

Số: 2808695

|                                            | NEW PEUGEOT 3008 PREMIUM     | Mazda CX-5 2.5L Signature Sport |
|--------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.019.000.000đ</b>        | <b>959.000.000đ</b>             |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                              |                                 |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4510 x 1850 x 1662           | 4590 x 1845 x 1680              |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2730                         | 2700                            |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5200                         | 5500                            |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 165                          | 200                             |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1480                         | 1630                            |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1930                         | 2080                            |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 520                          | 442                             |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 53                           | 58                              |
| Số chỗ ngồi                                | 5                            | 5                               |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước             | SX-LR trong nước                |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                              |                                 |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM                       | Efficient Modular Platform   |                                 |
| Loại động cơ                               | 1.6L Turbo High Pressure     | 2.5L Skyactiv-G                 |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1599                         | 2488                            |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 165 @ 6000                   | 188 / 6000                      |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 245 @ 1400-4000              | 252 / 4000                      |
| Hộp số                                     | 6AT                          | 6AT                             |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)              | 2 Cầu (AWD)                     |
| Hệ thống treo trước                        | Độc lập Mc Pherson           | Độc lập Mc Pherson              |
| Hệ thống treo sau                          | Bán độc lập                  | Liên kết đa điểm                |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                          | Đĩa                             |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                          | Đĩa                             |
| Thông số lốp xe                            | 225/55 R18 (Los Angeles)     | 225/55 R19                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 9,44                         | 10.27                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5,41                         | 6.75                            |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6,84                         | 8.04                            |
| Chế độ lái                                 | Normal/Sport/Manual          | Normal / Sport                  |
| Chế độ địa hình                            | Normal/Snow/Mud/Sand/ESP Off |                                 |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                              |                                 |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                | LED                             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                            | ●                               |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                            | ●                               |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                | ●                            | ●                               |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                            | ●                               |
| Cụm đèn sau                                | LED                          | LED                             |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                            | Sấy Gương                       |
| Gạt mưa tự động                            | ●                            | ●                               |
| Cửa sổ trời                                | ●                            | ●                               |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                              |                                 |
| Vô lăng bọc da                             | ●                            | ●                               |
| Chất liệu ghế                              | Da                           | Da                              |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                            | ●                               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                            | ●                               |

|                                    |           |                  |
|------------------------------------|-----------|------------------|
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●         | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | 12.3 Inch | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 10 Inch   | 8''              |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●         | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●         | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2         | 2                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●         | ●                |
| Chìa khóa thông minh               | ●         | ●                |
| Khởi động nút bấm                  | ●         | ●                |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa     | 10 loa Bose      |
| Lấy chuyển số                      | ●         | ●                |
| Sạc không dây Qi                   | ●         |                  |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●         | ●                |
| Đèn trang trí nội thất             | ●         | -                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●         | ●                |

**AN TOÀN:**

|                                         |                            |                |
|-----------------------------------------|----------------------------|----------------|
| Số túi khí                              | 6                          | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                          | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                          | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●                          | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                          | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●                          | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●                          | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau                | Trước & Sau    |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù               | ●                          | ●              |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường        | ●                          | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường           | ●                          | ●              |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●                          | MRCC Stop & Go |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●                          |                |
| Camera lùi                              | Camera 360 độ + (Ghi hình) | ● (Camera 360) |
| Khác                                    | Hỗ trợ đỗ xe tự động       |                |